TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/DS-ST
Ngày: 22/8/2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Ngâm và ông Huỳnh Khắc Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: ông *Nguyễn Thành Sơn* – Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2024/TLST- DS ngày 08/05/2024 về việc "*tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2024/QĐST–DS ngày 06/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ trụ sở: đường N, phường V, quận B, TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: đường H, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Trần Hoàng N, chức vụ: Quyền giám đốc chi nhánh Phú Yên (Theo Quyết định ủy quyền số: 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng giám đốc). Bà N ủy quyền lại cho bà Trương Thị Thu T - Chuyên viên Quản lý nợ (Theo giấy ủy quyền số: 111/2024/GUQ-CNPY ngày 19/4/2024 của chi nhánh Phú Yên). Bà Thảo có mặt.

- *Bị đơn*: Bà **Võ Thị Kim C**, sinh năm 1979

Địa chỉ: đường M, khu phố L, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày được tóm tắt như sau:

Ngày 07/7/2015, bà Võ Thị Kim C có ký với ngân hàng TMCP S (gọi tắt là ngân hàng) giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số tài khoản thẻ 3965069754 ngày 08/7/2015 với hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình vay vốn và sử dụng thẻ tín dụng, do bà C không trả nợ cho ngân hàng, nên đến ngày 30/11/2023, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ với nợ gốc quá hạn là 15.495.397 đồng. Tính đến ngày 02/4/2024, số tiền bà C còn nợ ngân hàng gồm gốc và lãi là: 18.131.287 đồng, trong đó nợ gốc 15.495.397 đồng, nợ lãi quá hạn 2.635.890 đồng.

Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, tạo điều kiện về thời gian để bà C trả nợ nhưng đến nay bà C chỉ trả được 500.000 đồng vào ngày 30/4/2024 cho khoản vay quá hạn này. Do đó, ngân hàng đề nghị hội đồng xét xử tuyên buộc bà C phải trả số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 22/8/2024 gồm gốc và lãi là: 20.606.638 đồng, trong đó nợ gốc 14.995.397 đồng, nợ lãi quá hạn 5.611.241 đồng. Ngoài ra, bà C còn phải trả tiền lãi phát sinh từ sau ngày 22/8/2024 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết cho đến khi bà C trả hết nợ vay. Buộc bà C phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí phát sinh liên quan.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng qui định.

Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Võ Thị Kim C phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP S theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 3965069754 ngày 08/7/2015 số tiền 20.606.638 đồng, trong đó nợ gốc 14.995.397 đồng, nợ lãi quá hạn 5.611.241 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giữa pháp nhân với cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp địa chỉ của bị đơn theo Hợp đồng được ký kết giữa các bên. Bị đơn bà C đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 3965069754 ngày 08/7/2015 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành.

[3.2] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 3965069754 ngày 08/7/2015 cùng các tài liệu, chứng cứ khác tại hồ sơ vụ án, HĐXX đủ cơ sở xác định: Bà C vay Ngân hàng TMCP S số tiền gốc 20.000.000 đồng và trong quá trình thanh toán thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên đến ngày 30/11/2023, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn là 15.495.397 đồng. Ngày 30/4/2024, bà C đã thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc quá hạn 500.000 đồng. Tính đến ngày 22/8/2024, số tiền bà C còn nợ ngân hàng tổng cộng là: 20.606.638 đồng, trong đó nợ gốc 14.995.397 đồng, nợ lãi quá hạn 5.611.241 đồng.

Do đó nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/8/2024 số tiền: 20.606.638 đồng, trong đó nợ gốc 14.995.397 đồng, nợ lãi quá hạn 5.611.241 đồng

[3.3] Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 23/8/2024) cho đến khi trả xong nợ gốc, bà C còn phải trả số tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 3965069754 ngày 08/07/2015 được ký kết với Ngân hàng TMCP S.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật dân sự 2015; Các điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Võ Thị Kim C phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP S theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp

đồng số 3965069754 ngày 08/07/2015 số tiền 20.606.638 đồng *(Hai mươi triệu sáu trăm linh sáu nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng)*, trong đó nợ gốc 14.995.397 đồng *(Mười bốn triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng),* nợ lãi quá hạn 5.611.241 đồng *(Năm triệu sáu trăm mười một nghìn hai trăm bốn mươi mốt đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 23/8/2024), bà C còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 3965069754 ngày 08/07/2015 cho đến khi bà C trả dứt nợ vay cho ngân hàng.

- Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Võ Thị Kim C phải chịu án phí DS-ST số tiền 1.030.000 đồng (Một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 453.283 đồng *(Bốn trăm năm mươi ba nghìn hai trăm tám mươi ba đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002466 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hưng